TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 536/2017/DS-ST
Ngày 29-9-2017
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh*:** Không tham gia phiên Tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 267/2017/TLST-DSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2017/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 306/2017/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa:

1. Nguyên đơn: Qũy trợ vốn X (Qũy CCM);

Địa chỉ trụ sở: Số 213, L, phường B, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc H– Chức vụ: Giám đốc Qũy trợ vốn X.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T– Tổ trưởng Tín dụng chi nhánh Củ Chi, (Theo Giấy ủy quyền số 26/CCM-GUQ ngày 07/4/2016 của ông Trần Ngọc H);

Địa chỉ: Số 15A, đường 35, khu phố 7, thị trấn C, huyện C, Thành phố phố Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị T, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Tổ 02, ấp T, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thông qua Hội phụ nữ xã P, huyện C, ngày 16/7/2015, Qũy trợ vốn X (gọi tắt là Quỹ CCM) đã cho bà Lương Thị T vay với hình thức trợ vốn như sau: Số tiền trợ vốn là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); Loại hình góp tháng với thời hạn 12 tháng, phí là 0,70%/tháng; Phí quản lý cấp liên nhiệm là 0,15%/tháng; Tiết kiệm là 1,25%/tháng; Phương pháp tính phí là tính theo phương pháp góp; Phương thức hoàn trả là trả vốn, phí, tiết kiệm trả góp hàng tháng; Ngày hoàn tất nợ là ngày 16/7/2016. Đến ngày 29/9/2017, bà T còn nợ Qũy

CCM số tiền tổng cộng là 11.759.770đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng); Trong đó: Tiền vốn là 8.910.000đ (tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), tiền phí trợ vốn là 1.540.000đ (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền phí quản lý là 330.000đ (ba trăm ba mươi nghìn đồng). Đã nhiều lần Quỹ CCM liên hệ để giải quyết số nợ còn lại nhưng bà T không thanh toán thêm cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền.

Đơn khởi kiện ngày 10/10/2016, nguyên đơn yêu cầu trả số tiền 12.780.000đ (mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền là 11.759.770đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) tính đến ngày 29/9/2017, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả nợ, yêu cầu Tòa án không đưa ông Nguyễn Xuân T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chịu trách nhiệm liên đới trả nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Hồ sơ pháp lý của Qũy trợ vốn X; Đơn xin trợ vốn; Danh sách nhận trợ vốn; Chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu (photo sao y) của bị đơn; Giấy ủy quyền của nguyên đơn

Bị đơn bà Lương Thị T: Đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đối với bị đơn bà Lương Thị T, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu cá nhân bà T có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ông Nguyễn Xuân T chịu trách nhiệm liên đới và yêu cầu Tòa án không đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xét theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Qũy trợ vốn X (Qũy CCM) khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị T trả số tiền còn nợ là 12.780.000đ (mười hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại phiên Tòa, nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền số tiền 11.759.770đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 1.020.230đ (một triệu không trăm hai mươi nghìn hai trăm ba mươi đồng).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 28/6/2015, bà Lương Thị T có Đơn xin trợ trợ vốn để vay Qũy trợ vốn X (gọi tắt là Quỹ CCM) số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); Loại hình góp tháng với thời hạn 12 tháng, phí là 0,70%/tháng; Phí quản lý cấp liên nhiệm là 0,15%/tháng; Tiết kiệm là 1,25%/tháng; Phương pháp tính phí là tính theo phương pháp góp; Phương thức hoàn trả là trả vốn, phí, tiết kiệm trả góp hàng tháng; Ngày hoàn tất nợ là ngày 16/7/2016. Tính đến ngày 29/9/2017, bà T còn nợ Qũy CCM số tiền tổng cộng là 11.759.770đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng); Trong đó: Tiền vốn là 8.910.000đ (tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), tiền phí trợ vốn là 1.540.000đ (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), tiền phí quản lý là 330.000đ (ba trăm ba mươi nghìn đồng). Có cơ sở xác định bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét nguyên đơn yêu cầu bà T trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

Bà Lương Thị T đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ đến Toà để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà T trả cho nguyên đơn số tiền nợ 11.759.770đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) và phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm có hiệu lực 01/01/2011;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.020.230đ (một triệu không trăm hai mươi nghìn hai trăm ba mươi đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của Qũy trợ vốn X về việc yêu cầu bà Lương Thị T phải thanh toán số nợ là 11.759.770đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

Buộc bà Lương Thị T có trách nhiệm trả cho Qũy trợ vốn X số tiền là 11.759.770đ (mười một triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn đối với các khoản tiền phải trả cho Qũy trợ vốn X cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Lương Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí DSST là 587.988đ (năm trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi tám đồng) buộc bà Lương Thị T phải nộp.

Hoàn trả lại cho Qũy trợ vốn X số tiền tạm ứng án phí là 319.500đ (ba trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0006845 ngày 26/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Xuân Lan